TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN SƠN TỊNH
TỈNH QUẢNG NGÃI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập –Tự do –Hạnh phúc

Bản án số: 39/2018/DS-ST
Ngày 10/10/2018
V/v "Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN SƠN TỊNH, TỈNH QUẢNG NGÃI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Phan Hoàng

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Lê Thành Long

2. Ông Phạm Quang Ý

***- Thư ký phiên tòa*:** Ông Lưu Tấn Tâm – Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân huyện Sơn Tịnh, tỉnh Quảng Ngãi.

Ngày 10 tháng 10 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Sơn Tịnh, tỉnh Quảng Ngãi xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 26/2018/TLST-DS ngày 06/3/2018 về tranh chấp "*Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản"*. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số:17/2018/QĐXXST-DS ngày 23/7/2018, Quyết định hoãn phiên tòa số: 11/2018/QĐST-DS ngày 21/8/2018, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn:

- Ông Nguyễn Thanh Đ, sinh năm 1951;
- Bà Bùi Thị Hồng Th, sinh năm 1952;

Cùng địa chỉ: Xóm 3, thôn M, xã T, huyện S, tỉnh Quảng Ngãi.

Người đại diện theo ủy quyền của bà Bùi Thị Hồng Th là ông Nguyễn Thanh Đ, theo giấy ủy quyền ngày 25/02/2018; ông Đ, bà Th đều có mặt tại phiên tòa.

2. *Bị đơn*: Bà Phạm Thị Tr, sinh năm 1980.

Địa chỉ: Đội 4, thôn C, xã T, huyện S, tỉnh Quảng Ngãi; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 25/02/2018, bản tự khai ngày 06/3/2018 và trong quá trình xét xử, nguyên đơn ông Nguyễn Thanh Đ, bà Bùi Thị Hồng Th trình bày:

Từ năm 2014 đến năm 2016 vợ chồng ông Đ, bà Th có bán cám thức ăn gia súc [cám cho heo(lợn)] cho bà Phạm Thị Tr ở Đội 4, thôn C, xã T, huyện S, tỉnh Quảng Ngãi. Bà Tr có mua cám của vợ chồng ông nhiều lần và

trong thời gian từ năm 2014 đến năm 2016, bà Tr còn nợ vợ chồng ông với tổng số tiền là 32.850.000 đồng (Ba mươi hai triệu tám trăm năm mươi nghìn đồng). Nhiều lần ông Đ đã đến gặp bà Tr để đòi nợ tiền cám nhưng bà Tr không chịu trả số tiền trên cho vợ chồng ông mà cứ hẹn nợ mãi, nên vào ngày 25/5/2017 bà Tr có viết giấy nợ tiền cám cho vợ chồng ông với số tiền nợ là 32.850.000 đồng, đồng thời bà Tr đồng ý trả lãi cho vợ chồng ông 1,5%/tháng tính từ ngày 01/01/2017.

Nay vợ chồng ông Đ, bà Th yêu cầu bà Phạm Thị Tr phải trả cho vợ chồng ông với tổng số tiền là 43.345.000 đồng (Bốn mươi ba triệu ba trăm bốn mươi lăm nghìn đồng); Trong đó, tiền nợ cám là 32.850.000 đồng và 10.495.000 đồng tiền lãi tính từ ngày 01/01/2017 đến ngày 10/10/2018 với lãi suất 1,5%/tháng.

Bị đơn: Bà Phạm Thị Tr không nộp văn bản trình bày cho Tòa án, mặc dù đã được Tòa án tống đạt, niêm yết hợp lệ các thông báo và giấy triệu tập cho bà Tr.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả hỏi tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về tố tụng:* Tại phiên tòa hôm nay bị đơn bà Phạm Thị Tr vắng mặt lần thứ hai không có lý do. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử trong trường hợp vắng mặt bị đơn tại phiên tòa.

[2] *Về nội dung vụ án:* Tại phiên tòa nguyên đơn vợ chồng ông Nguyễn Thanh Đ, bà Bùi Thị Hồng Th vẫn giữ nguyên yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà Phạm Thị Tr phải trả cho vợ chồng ông Đ, bà Th số tiền mua cám cho heo với số tiền là 32.850.000 đồng và tiền lãi là 10.495.000 đồng tính từ ngày 01/01/2017 đến ngày 10/10/2018 với lãi suất 1,5%/tháng; tổng cộng bà Tr phải trả cho vợ chồng ông Đ, bà Th là 43.345.000 đồng (Bốn mươi ba triệu ba trăm bốn mươi lăm nghìn đồng). Để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của mình, trong giai đoạn xét xử vợ chồng ông Đ, bà Th đã cung cấp cho Tòa án giấy nợ tiền cám của bà Phạm Thị Tr, mà theo như ông Đ, bà Th cho rằng về nội dung là do bà Tr viết và ký tại thời điểm ngày 25/5/2017 khi hai bên chốt số tiền nợ từ việc mua bán cám cho heo (lợn): *"Hôm nay ngày 25/5/2017; tôi tên Phạm Thị Tr hiện ở tại thôn C, xã T có nợ cô Th Đ là ba mươi hai triệu tám trăm năm chục ngàn, vậy nay tôi viết giấy này hẹn nợ cô giờ đến tháng 12/2017 tôi sẽ trả đủ số tiền cho cô là ba mươi hai triệu tám trăm năm chục ngàn đồng. Nếu không trả đủ số tiền này tôi sẽ chịu trách nhiệm trả lãi 1,5% số tiền trên, 01.01.2017".*

[2.1] *Đối với tiền nợ cám là 32.850.000 đồng:* Sau khi thụ lý vụ án Tòa án đã thực hiện việc niêm yết hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án; Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; niêm yết giấy triệu tập số 1214/TA

ngày 11/6/2018; giấy triệu tập số 1317/TA ngày 29/6/2018; giấy triệu tập số 1411/TA ngày 23/7/2018 và giấy triệu tập số 1718/TA ngày 21/8/2018 tại nhà và tại trụ sở Ủy ban nhân dân xã T. Nhưng bà Tr không có ý kiến liên quan đến yêu cầu khởi kiện, chứng cứ do nguyên đơn cung cấp cũng như không có yêu cầu phản tố. Căn cứ vào khoản 1, khoản 2 và khoản 4 Điều 91 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 có thể khẳng định về chứng cứ mà nguyên đơn cung cấp là hợp lệ. Vì vậy, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là hoàn toàn có căn cứ nên được chấp nhận; do đó, Hội đồng xét xử buộc bà Tr trả cho vợ chồng ông Đ, bà Th số tiền nợ cám heo là 32.850.000 đồng (Ba mươi hai triệu tám trăm năm mươi nghìn đồng).

[2.2] *Về tiền lãi:* Việc vợ chồng ông Đ, bà Th yêu cầu bà Tr tính lãi suất 1,5%/ tháng và theo giấy nợ của bà Tr đồng ý tính lãi cho vợ chồng ông Đ với mức lãi suất 1,5%/tháng không vượt quá so với lãi suất được quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015:*"Lãi suất vay do các bên thỏa thuận. Trường hợp các bên có thỏa thuận về lãi suất thì lãi suất theo thỏa thuận không được vượt quá 20%/năm của khoản tiền vay, trừ trường hợp luật khác có liên quan quy định khác…"*, nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của vợ chồng ông Đ, bà Th.

Do đó, bà Tr phải trả tiền lãi cho vợ chồng ông Đ, bà Th tính từ ngày 01/01/2017 đến ngày xét xử ngày 10/10/2018 là: (32.850.000đ x 1,5%/tháng x 21 tháng 09 ngày) =10.495.000 đồng (Mười triệu bốn trăm chín mươi lăm nghìn đồng).

Như vậy, bà Phạm Thị Tr phải trả cho vợ chồng ông Nguyễn Thanh Đ, bà Bùi Thị Hồng Th tổng cộng là 43.345.000 đồng (Bốn mươi ba triệu ba trăm bốn mươi lăm nghìn đồng); Trong đó, nợ tiền cám heo là 32.850.000 đồng và tiền lãi 10.495.000 đồng.

[3] *Về án phí dân sự sơ thẩm:*

- Ông Nguyễn Thanh Đ, bà Bùi Thị Hồng Th không phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm và hoàn trả lại tiền tạm ứng án phí cho vợ chồng ông Đ là phù hợp với quy định của pháp luật.

- Bà Phạm Thị Tr phải chịu 2.167.000 đồng (Hai triệu một trăm sáu mươi bảy nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm (43.495.000 đồng x 5%) theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 26, 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

[4] *Kháng cáo:* Các đương sự có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, Điều 35, 39, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 430, 433, 440, khoản 2 Điều 357 Bộ luật

Dân sự năm 2015; Điều 26, 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQHH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội;

Tuyên xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Thanh Đ, bà Bùi Thị Hồng Th đối với bị đơn bà Phạm Thị Tr về việc tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản.

1. Buộc bà Phạm Thị Tr phải trả cho vợ chồng ông Nguyễn Thanh Đ, bà Bùi Thị Hồng Th số tiền 43.345.000 đồng (Bốn mươi ba triệu ba trăm bốn mươi lăm nghìn đồng); Trong đó, nợ tiền cám heo là 32.850.000 đồng và tiền lãi 10.495.000 đồng (tiền lãi tính từ ngày 01/01/2017 đến ngày xét xử ngày 10 tháng 10 năm 2018).

2. *Về án phí dân sự sơ thẩm:* Bà Phạm Thị Tr phải chịu 2.167.000 đồng (Hai triệu một trăm sáu mươi bảy nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm (43.495.000 đồng x 5%).

Vợ chồng ông Nguyễn Thanh Đ, bà Bùi Thị Hồng Th không phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm; hoàn trả lại cho vợ chồng ông Nguyễn Thanh Đ số tiền 944.000 đồng (Chín trăm bốn mươi bốn nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp tại Biên lai thu tiền số 0000735 ngày 02 tháng 3 năm 2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện S, tỉnh Quảng Ngãi.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

3. *Về quyền kháng cáo:* Vợ chồng ông Nguyễn Thanh Đ, bà Bùi Thị Hồng Th có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Bà Phạm Thị Tr vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Quảng Ngãi;
- VKSND tỉnh Quảng Ngãi;
- VKSND huyện S;
- Chi cục THADS huyện S;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Phan Hoàng